

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/HC-PT

Ngày: 01 - 7 - 2020

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà
nước về đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Thành

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 758/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2019/HC- ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 409/2020/QĐ- PT ngày 23 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2020/QĐ- PT ngày 14 tháng 5 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 916/2020/QĐ- PT ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: số 21, ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp M, xã M1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện:

- 1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B(có đơn xin vắng mặt);
- 2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;
- 3/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày: Người khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định sau:

Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 Kv - G, tỉnh B tại xã G, huyện C, tỉnh B”;

Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông(bà): Trần Thị T tại xã G do thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV B- G, tỉnh B(giai đoạn 1-lần 4)” của Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (lần đầu)” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T cư ngụ ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre ” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Về căn cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là: Ủy ban ban hành quyết định 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 để thu hồi quyền sử dụng đất thửa 143a tờ bản đồ số 10 diện tích 1.464,5m² của bà Trần Thị T để thực hiện dự án xây dựng công trình trạm điện 110 Kv G và đường dây 110 Kv B- G. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 phê duyệt phương án bồi thường việc thu hồi đất của bà T. Theo đó, giá trị đền bù quyền sử dụng đất cho bà T với đơn giá 01 m² ở vị trí 1 là 1.677.456 đồng, vị trí 2 là 488.070 đồng.

Không đồng ý với mức giá này, bà T đã khiếu nại các quyết định nêu trên, ngày 10/5/2018, Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định số 1941/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà T. Bà T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B, ngày 06/7/2018 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định số 1409/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung chấp nhận 01 phần khiếu nại của bà T, điều chỉnh giá trị bồi thường quyền sử dụng đất cho bà T với đơn giá 01 m² ở vị trí 2 lên 540.540 đồng.

Bà T cho rằng về thẩm quyền và hình thức của các quyết định nêu trên là phù hợp quy định pháp luật nhưng bà T không đồng ý với giá đất theo các quyết định này, vì theo chứng thư định giá của công ty Exima thì đơn giá 01 m² quyền sử dụng đất của bà T bị thu hồi ở vị trí 1 là 3.604.000 đồng/m², vị trí 2 là 2.991.000 đồng/m². Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án hủy các quyết định nêu trên.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV-G, tỉnh B tại xã G, huyện C, tỉnh B”; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông(bà): Trần Thị T tại xã G do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV B- G, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1 - lần 4)”. Theo đó, giá trị đền bù quyền sử dụng đất cho bà T với đơn giá 01 m² ở vị trí 1 là 1.677.000 đồng và vị trí 2 là 487.800 đồng.

Việc ban hành các quyết định này là đúng về thẩm quyền, hình thức và nội dung.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Bà T khiếu nại Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV-G, tỉnh B tại xã G, huyện C, tỉnh B”; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông(bà): Trần Thị T tại xã G do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV B- G, tỉnh B (giai đoạn 1 - lần 4) của Ủy ban nhân dân huyện C”.

Sau khi xem xét nội dung khiếu nại và những quyết định bị khiếu nại, nhận thấy những quyết định này là phù hợp quy định pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B (lần đầu)” bác đơn khiếu nại của bà T”.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức và nội dung của quyết định này là phù hợp quy định pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện C không đồng ý hủy quyết định này.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Chủ tịch UBND tỉnh B có giải quyết khiếu nại của bà T đối với các Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV-G, tỉnh B tại xã G, huyện C, tỉnh B”; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông(bà): Trần

Thị T tại xã G do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV B- G, tỉnh B (giai đoạn 1 - lần 4) của Ủy ban nhân dân huyện C"; Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B (lần đầu)" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C".

Sau khi xem xét nội dung khiếu nại và các quyết định bị khiếu nại, căn cứ quy định pháp luật Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T cư ngụ ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B", chấp nhận một phần khiếu nại của bà T điều chỉnh đơn giá bồi thường quyền sử dụng đất của bà T cụ thể: từ đơn giá 01 m², ở vị trí 2 là 487.800 đồng lên đơn giá 01 m² ở vị trí 2 là 540.540 đồng.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức và nội dung của quyết định này là phù hợp quy định pháp luật nên Chủ tịch UBND tỉnh B không đồng ý hủy quyết định này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2019/HC-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Bác yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 "Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm 110kV G và đường dây 110 Kv -G, tỉnh B tại xã G, huyện C, tỉnh B";

Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 "Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông(bà): Trần Thị T tại xã G do thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV B- G, tỉnh B(giai đoạn 1-lần 4)" của Ủy ban nhân dân huyện C".

Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B (lần đầu)" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T cư ngụ ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/11/2019 bà Trần Thị T kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Văn T1 đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của bà Trần Thị T:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Dự án xây dựng công trình trạm điện 110 Kv G và đường dây 110 Kv B - G là công trình phục vụ mục đích an ninh quốc gia. Án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm 110kV G và đường dây 110 Kv -G, tỉnh B tại xã G, huyện C, tỉnh B”; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông(bà): Trần Thị T tại xã G do thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV B- G, tỉnh B (giai đoạn 1-lần 4)” của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B (lần đầu)” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T cư ngụ ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T:

[2.1] Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định nêu trên được thực hiện đúng quy định pháp luật được quy định tại các Điều 62, 66, 69

Luật đất đai năm 2013 và các Điều 7, 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, và Điều 40 Luật khiếu nại.

[2.2] Về nội dung:

Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi quyền sử dụng đất thửa 143a tờ bản đồ số 10 diện tích 1.464,5m² của bà Trần Thị T để thực hiện dự án xây dựng công trình trạm điện 110 Kv G và đường dây 110 Kv B - G. Việc thu hồi đất này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh B thông qua bằng Nghị quyết 14/NQ- HĐND ngày 09/12/2014. Đây là công trình phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai. Bản thân bà Trần Thị T cùng gia đình cũng đồng ý với chủ trương thu hồi đất, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 phê duyệt phương án bồi thường đối với việc thu hồi đất của bà Trần Thị T. Bà T cho rằng UBND huyện C quyết định giá trị đền bù quyền sử dụng đất cho bà T với đơn giá 01 m² ở vị trí 2 là 488.070 đồng là không hợp lý, vì theo chứng thư định giá của công ty Exima thì đơn giá 01 m² quyền sử dụng đất của bà T bị thu hồi ở vị trí 2 là 2.991.000 đồng/m².

Việc thu hồi đất của bà T là để thực hiện Công trình phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. UBND huyện C tiến hành xác định giá đất theo đúng quy định tại các điều 112,113,114 Luật đất đai năm 2013; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bản giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá”; Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh B giai đoạn 2015-2019; Công văn số 5440/UBND-TCĐT ngày 24/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt phương án giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình Trạm 110 Kv G, huyện C; Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B.

Do việc khảo sát giá đất, chọn các phiếu khảo sát chưa hợp lý dẫn đến việc định giá đất bồi thường cho bà T đối với phần đất giải tỏa ở vị trí 2 chưa phù hợp. Sau khi kiểm tra, xác minh, ngày 06/7/2018, UBND tỉnh B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại của bà T. Giải quyết bồi thường diện tích 673,2m² đất lúa vị trí 2 theo đơn giá 540.540 đồng/m² tăng thêm 52.740 đồng/m²) là có căn cứ.

Đối với việc người khởi kiện cho rằng đã thuê Trung tâm thẩm định giá E tiến hành thẩm định giá phần đất bị thu hồi và kết quả giá đất cao hơn giá được bồi thường, thấy rằng tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần IX của báo cáo kết quả thẩm định giá E có ghi “Kết quả thẩm định được tính toán dựa trên cơ sở các số

liệu, hồ sơ do khách hàng cung cấp và kết quả thẩm định giá này chỉ được sử dụng để thế chấp tài sản tại Ngân hàng”. Vì vậy, việc người khởi kiện dựa vào kết quả này để cho rằng UBND huyện C áp giá bồi thường thấp là không phù hợp.

[3] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không đưa ra tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà T được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các điều 62, 69, 112, 113, 114 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bản giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá”

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của bà Trần Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2019/HC-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre .

1. Bác yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm 110kV G và đường dây 110 Kv -G, tỉnh B tại xã G, huyện C, tỉnh B”;

Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông(bà): Trần Thị T tại xã G do thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng công trình Trạm 110 kV G và đường dây 110 kV B- G, tỉnh B(giai đoạn 1-lần 4)” của Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B (lần đầu)” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 “Về việc giải quyết

khieu nại của bà Trần Thị T cư ngụ ấp L, xã G, huyện C, tỉnh B” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị T được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương